

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lý Tân Huệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Duy Sơn	Thành viên
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Thành viên
Ông Lưu Văn Nhựt	Thành viên
Ông Trịnh Thanh Cần	Thành viên
Ông Phạm Văn Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Duy Sơn	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tương	Phó Giám đốc
Ông Cái Hồng Thu	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Thông	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ báo cáo. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, đòi hỏi Ban Giám đốc của Công ty phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Trần Duy Sơn
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 05 tháng 03 năm 2010



Số: 25 /2010/AP-KT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh kèm theo cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 (gọi tắt là "Công ty").

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, trong đó báo cáo kiểm toán ngày 5 tháng 3 năm 2009 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc đồng thời cũng chịu trách nhiệm thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, trên cơ sở đánh giá rủi ro liên quan đến các sai sót trọng yếu phản ánh trên báo cáo tài chính, do các gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá rủi ro, kiểm toán viên cũng xem xét các thủ tục kiểm soát do Ban Giám đốc thực hiện nhằm lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng trường hợp mà không nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

203
ĐNG
NHIỆM
ỀM T
V P
/ẤY

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau:

- Theo công văn số 1965/ XMVN - HDQT ngày 31/12/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), tổng quỹ tiền lương năm 2009 của Công ty được hưởng khoảng 127 tỷ đồng tương ứng với chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện năm 2009 đạt 195 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh năm 2009 trước thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đạt khoảng 176 tỷ đồng (đã trừ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ với số tiền khoảng 40,6 tỷ đồng). Công văn số 1965/XMVN-HĐQT nói trên không xác định lợi nhuận thực hiện năm 2009 của Công ty có loại trừ ảnh hưởng của các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ hay không, theo đó khi xác định quỹ tiền lương năm 2009, Công ty không tính tới ảnh hưởng của khoản lỗ chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ này.
- Dự án Trạm nghiền Xi măng Hà Tiên II - Long An đã được Công ty đưa vào hoạt động sản xuất từ tháng 10 năm 2009. Tuy nhiên đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 Công ty vẫn chưa thực hiện các thủ tục bàn giao đưa vào sử dụng để hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao theo quy định do chưa hoàn thành công tác nghiệm thu toàn bộ và bàn giao với các nhà thầu xây lắp trong nước cũng như các nhà thầu cung cấp dây chuyền thiết bị công nghệ, (một số hạng mục phụ trợ vẫn tiếp tục thi công hoàn thiện như: Đường bãi, Nhà văn phòng...).
- Như đã trình bày tại thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty được lập trên cơ sở giả thiết Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù theo các Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2009 của Công ty đã quyết định sẽ tiến hành sáp nhập Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1. Hiện tại Hội đồng quản trị VICEM đang chỉ đạo Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 và Hà Tiên 2 hoàn tất các thủ tục cần thiết để tiến hành công tác sáp nhập nói trên.



Vũ Bình Minh
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010

Nguyễn Thương
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.317.087.827.501	939.303.323.807
I. Tiền	110	4	96.257.432.740	205.413.215.330
1. Tiền	111		61.257.432.740	115.283.311.132
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	90.129.904.198
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	68.000.000.000	4.220.726.309
1. Đầu tư ngắn hạn	121		68.000.000.000	4.220.726.309
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		887.333.163.978	284.593.629.701
1. Phải thu của khách hàng	131		109.031.638.553	52.263.503.066
2. Trả trước cho người bán	132	6	770.491.204.131	232.028.457.223
3. Các khoản phải thu khác	135		7.810.321.294	301.669.412
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	258.721.930.995	436.988.279.607
1. Hàng tồn kho	141		258.721.930.995	436.988.279.607
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.775.299.788	8.087.472.860
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		92.612.290	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.970.149.142	7.506.354.825
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		712.538.356	581.118.035
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		1.410.049.383.473	1.025.193.133.789
I. Tài sản cố định	220		1.346.727.235.574	952.975.973.817
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	641.547.160.687	717.669.060.309
- Nguyên giá	222		1.886.422.933.905	1.846.729.280.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.244.875.773.218)	(1.129.060.220.598)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.568.512.897	651.636.886
- Nguyên giá	228		3.957.422.058	1.465.206.150
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.388.909.161)	(813.569.264)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	702.611.561.990	234.655.276.622
II. Tài sản dài hạn khác	260		63.322.147.899	72.217.159.972
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	63.177.912.432	72.072.924.523
2. Tài sản dài hạn khác	268		144.235.467	144.235.449
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.727.137.210.974	1.964.496.457.596

Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 =310+330)	300		1.695.784.246.437	1.025.107.217.491
I. Nợ ngắn hạn	310		473.349.251.423	388.755.387.894
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	191.841.629.340	69.469.884.000
2. Phải trả cho người bán	312		155.994.786.416	127.029.020.529
3. Người mua trả tiền trước	313		1.712.373.786	1.137.394.228
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	33.034.956.320	62.067.896.196
5. Phải trả người lao động	315		27.711.764.091	29.856.079.959
6. Chi phí phải trả	316	15	7.011.831.070	13.403.655.584
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	48.881.422.836	77.457.387.843
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.160.487.564	8.334.069.555
II. Nợ dài hạn	330		1.222.434.995.014	636.351.829.597
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	1.221.715.546.844	636.043.043.391
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		719.448.170	308.786.206
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		1.031.352.964.537	939.389.240.105
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.031.352.964.537	939.389.240.105
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		880.000.000.000	880.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.844.957.699	1.844.957.699
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.517.214.120	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(6.419.488.000)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.674.892.464	-
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.562.706.829	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		132.172.681.425	57.544.282.406
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.727.137.210.974	1.964.496.457.596

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
001	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		42.887.708	219.694.425
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký quỹ		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		190.991.779	190.991.779
005	5. Ngoại tệ các loại			
	- USD		3.335,71	3.495,06
	- AUD		-	2.341,91



Trần Duy Sơn

Kế toán trưởng

Lê Viết Hùng

Người lập

Trần Thị Trúc Mai

Kiên Giang, ngày 05 tháng 03 năm 2010

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 02-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.618.321.340.655	1.258.896.962.267
2. Các khoản giảm trừ	02		33.289.707.950	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	1.585.031.632.705	1.258.896.962.267
4. Giá vốn hàng bán	11	23	1.202.466.896.301	980.666.322.152
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		382.564.736.404	278.230.640.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	10.119.891.256	16.782.771.078
7. Chi phí tài chính	22	25	57.640.314.947	31.761.161.640
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.230.058.177	4.533.618.174
8. Chi phí bán hàng	24		53.976.909.763	30.802.621.747
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		106.299.944.736	72.669.606.931
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		174.767.458.214	159.780.020.875
11. Thu nhập khác	31		2.440.928.442	2.734.746.658
12. Chi phí khác	32		867.649.825	41.879.712
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.573.278.617	2.692.866.946
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		176.340.736.831	162.472.887.821
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	44.168.055.406	52.128.605.415
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		132.172.681.425	110.344.282.406
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1.502	1.254



Trần Duy Sơn

Kế toán trưởng

Lê Viết Hùng

Người lập

Trần Thị Trúc Mai

Kiên Giang, ngày 05 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 03-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	176.340.736.831	162.472.887.821
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Khấu hao tài sản cố định	124.763.967.713	79.395.454.980
Lãi hoạt động đầu tư	(10.106.155.380)	(16.308.302.179)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.209.867.984	25.232.747.271
Chi phí lãi vay	13.230.058.177	4.533.618.174
2. Lưu chuyển tiền thuần trước những thay đổi vốn lưu động	338.438.475.325	255.326.406.067
Tăng/ Giảm các khoản phải thu	(66.041.244.600)	977.395.451
Tăng/Giảm hàng tồn kho	178.266.348.612	(67.043.065.608)
Tăng/Giảm chi phí trả trước	8.895.012.091	8.334.610.566
Tăng/ giảm tài sản ngắn hạn khác	1.312.173.054	1.707.344.887
Tăng/Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(25.903.145.817)	(36.128.070.571)
Tiền lãi vay đã trả	(12.806.407.872)	(10.397.579.464)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(52.567.095.134)	(26.558.179.189)
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	369.594.115.659	126.218.862.139
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(1.055.405.602.757)	(409.904.508.968)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	192.083.610	-
Chi đầu tư ngắn hạn	(63.779.273.691)	(5.000.000)
Chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.563.050.984)	-
Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	10.106.155.380	16.308.302.179
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.117.449.688.442)	(393.601.206.789)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	803.180.139.876	207.315.040.793
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	(95.135.891.083)	(34.822.669.843)
Cổ tức đã trả	(62.924.970.600)	(16.275.029.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	645.119.278.193	156.217.341.550
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(102.736.294.590)	(111.165.003.100)
Số dư tiền và các khoản tương tiền đầu kỳ	205.413.215.330	316.578.218.430
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(6.419.488.000)	-
Số dư tiền và các khoản tương tiền cuối kỳ	96.257.432.740	205.413.215.330



Trần Duy Sơn

Kiên Giang, ngày 05 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng

Lê Việt Hùng

Người lập

Trần Thị Trúc Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Xi măng Hà Tiên 2 thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam) theo Quyết định số 1405/QĐ-XMVN ngày 15/8/2007 của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Xi măng Hà Tiên 2 và Quyết định số 25/QĐ-XMVN ngày 14/1/2008 của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty Xi măng Hà Tiên 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 5603000124 ngày 01/02/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 02 số 1700101407 ngày 18/11/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty là 880.000.000.000 đồng tương ứng 88.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó:

- Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nắm giữ 60.874.951 cổ phiếu tương đương với 608.749.510.000 đồng chiếm 69,18% vốn Điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 27.125.049 cổ phiếu tương đương với 271.250.490.000 đồng chiếm 30,82% vốn Điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 17/QĐ-SGDHCM ngày 6/3/2009, mã số giao dịch HT2.

Trụ sở chính của Công ty tại thị trấn Kiên Lương - huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 1.439 người (31/12/2008 là 1.420 người).

Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 - Xí nghiệp tiêu thụ và dịch vụ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 - Trạm nghiền Long An
- Ban quản lý Dự án Hà Tiên 2.2
- Ban quản lý Dự án Trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 - Long An

Kế hoạch sáp nhập, chuyển đổi

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 của Công ty ngày 29/4/2009 đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2009 của Công ty ngày 21/12/2009 đã thông qua phương án sáp nhập và tỷ lệ chuyển đổi cổ phiếu giữa Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 như sau:

- CTCP Xi măng Hà Tiên 2 sẽ sáp nhập vào CTCP Xi măng Hà Tiên 1 bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của CTCP Xi măng Hà Tiên 2 sang CTCP Xi măng Hà Tiên 1;
- CTCP Xi măng Hà Tiên 1 sẽ phát hành thêm một lượng cổ phiếu để đổi lấy 100% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của CTCP Xi măng Hà Tiên 2;
- Tỷ lệ chuyển đổi là: 1 cổ phần Hà Tiên 2 đổi lấy 1 cổ phần Hà Tiên 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Sản xuất xi măng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống xây dựng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, bằng đường thủy nội địa, ven biển;
- Buôn bán xi măng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện...
- Sửa chữa máy móc thiết bị

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở hoạt động liên tục và theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán của Xí nghiệp tiêu thụ và dịch vụ, Ban quản lý Dự án Trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 - Long An, Chi nhánh Trạm nghiền Long An và Ban Quản lý Dự án xi măng Hà Tiên 2.2 và Văn phòng Công ty sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả nội bộ và các giao dịch liên quan đến tài sản, nguồn vốn điều chuyển nội bộ trong Công ty.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty được lập trên cơ sở giả thiết Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù theo các Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2009 của Công ty đã quyết định sẽ tiến hành sáp nhập Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1. Hiện tại Hội đồng quản trị VICEM đang chỉ đạo Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 và Hà Tiên 2 hoàn tất các thủ tục cần thiết để tiến hành công tác sáp nhập nói trên trong năm 2010.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức nhật ký chung.

Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Việt Nam đã ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá ảnh hưởng của việc thay đổi này và đã phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2009.

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

ST.TA
HAN
HA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí hoàn thành ước tính và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị hàng tồn kho và hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty bao gồm: Đất sét, đá dăm, bùn xi măng, bột sống, clinker và xi măng bột. Số lượng sản phẩm dở dang được xác định theo số lượng kiểm kê cuối kỳ, giá trị dở dang được xác định căn cứ vào số lượng được kiểm kê nhân với giá tồn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm xi măng bao được xác định theo phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá bán thành phẩm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định 206/2003/QĐ – BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Một số tài sản được điều chỉnh khấu hao theo công văn số 1759/BTC-TCDN ngày 26/12/2007 của Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Ngày 20/10/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, có hiệu lực từ ngày 1/1/2010 thay thế Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Ban Giám đốc Công ty đang nghiên cứu việc áp dụng quy định mới này và tin tưởng rằng việc áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến việc hạch toán và trích khấu hao Tài sản cố định của Công ty trong năm nay cũng như năm tới.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí liên quan tới đầu tư xây dựng và chi phí lãi vay có liên quan trong thời kỳ đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Việc tính khấu hao của các tài sản được hình thành từ đầu tư xây dựng này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái bắt đầu sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu (sau khi xác định giá trị Doanh nghiệp được HĐQT Tổng Công ty Công nghiệp Xi Măng phê duyệt) được phân bổ dần vào Báo cáo hoạt động kinh doanh trong thời gian 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác là phí Bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm ô tô và tàu thuyền. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và doanh nghiệp có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

Chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy đổi tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ phải được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản nợ phải trả dài hạn được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh, chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản tiền và nợ ngắn hạn (bao gồm nợ dài hạn đến hạn trả) được phản ánh trên tài khoản chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán, được qui định tại Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong Doanh nghiệp.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	296.231.082	210.494.118
Tiền gửi ngân hàng	60.961.201.658	115.072.817.014
Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	90.129.904.198
	96.257.432.740	205.413.215.330

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng bằng VND tại Ngân hàng Nông nghiệp huyện Kiên Lương – Kiên Giang, lãi suất 0,7%/ tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng (*)	68.000.000.000	4.220.726.309
	68.000.000.000	4.220.726.309

(*) Bao gồm 3 khoản:

- Thỏa thuận gia hạn vốn ủy thác số 05 – 1009UTQLV-CFC ngày 9/10/2009, số tiền: 20 tỷ đồng, thời hạn 1 năm từ 09/10/2009 - 11/10/2010, lãi suất 8.2%/năm.

- Thỏa thuận gia hạn vốn ủy thác số 164TGVND-CFC ngày 26/6/2009, số tiền: 40 tỷ đồng, thời hạn 1 năm từ ngày 06/2009 đến ngày 06/2010, lãi suất 9%/năm.

- Thỏa thuận gia hạn vốn ủy thác số 52-1209UTQLV-CFC ngày 30/12/2009, số tiền: 8 tỷ đồng, thời hạn 1 năm từ ngày 30/12/2009 đến ngày 30/01/2011, lãi suất 12%/năm.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Trả trước về hoạt động xây dựng cơ bản	766.473.569.362	229.775.279.685
Nhà thầu Polysius AG	531.485.580.857	116.793.898.215
Nhà thầu Bedeschi Spa	26.895.786.415	17.666.816.941
Nhà thầu Liên danh Pfeiffer - IMI	16.942.986.336	16.942.986.336
Nhà thầu EREVA	34.635.408.823	25.527.792.233
Công ty Cổ phần LILAMA	86.208.997.212	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	28.393.089.738	-
TCT Đầu tư Phát triển đô thị & khu Công nghiệp	22.995.237.829	-
Công ty Cổ Phần Đông Mỹ	-	21.603.637.974
Nhà cung cấp khác	18.916.482.152	31.240.147.986
Trả trước về hoạt động sản xuất kinh doanh	4.017.634.769	2.253.177.538
	770.491.204.131	232.028.457.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Nguyên liệu, vật liệu	191.459.307.276	407.597.102.764
Công cụ, dụng cụ	534.707.563	460.019.657
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	66.034.183.002	28.931.157.186
Thành phẩm	693.733.154	-
Cộng	258.721.930.995	436.988.279.607
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	258.721.930.995	436.988.279.607

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>01/01/2009</u> VND
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 mượn vật tư	4.113.276.908	13.149.093
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng - lãi tiền gửi	2.150.500.000	-
Vật tư thiếu chờ xử lý	1.150.979.007	91.263.780
Phải thu khác	395.565.379	-
	7.810.321.294	104.412.873

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIẾN 2

Thị trấn Kiên Lương – huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MÀU B 09-DN****9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2009	477.520.680.623	1.283.592.239.926	71.478.896.235	13.328.053.326	809.410.797	1.846.729.280.907
Tăng trong năm	-	18.276.912.084	25.605.118.761	4.376.780.959	-	48.258.811.804
- Mua sắm mới	-	13.341.549.571	25.605.118.761	4.376.780.959	-	43.323.449.291
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.865.982.127	-	-	-	4.865.982.127
- Tăng khác	-	69.380.386	-	-	-	69.380.386
Giảm trong năm	227.536.698	4.510.148.295	2.265.630.272	1.143.843.541	418.000.000	8.565.158.806
- Thanh lý, nhượng bán	227.536.698	4.492.529.247	2.000.000.000	800.932.525	418.000.000	7.938.998.470
- Nguyên nhân khác	-	17.619.048	265.630.272	342.911.016	-	626.160.336
Tại ngày 31/12/2009	477.293.143.925	1.297.359.003.715	94.818.384.724	16.560.990.744	391.410.797	1.886.422.933.905
KHÁU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2009	317.467.631.250	752.542.124.578	50.227.305.920	8.013.748.053	809.410.797	1.129.060.220.598
Tăng trong năm	18.777.249.622	94.359.198.098	8.634.181.998	2.417.998.098	-	124.188.627.816
- Khấu hao trong kỳ	18.777.249.622	94.359.198.098	8.634.181.998	2.417.998.098	-	124.188.627.816
Giảm trong năm	227.536.698	4.501.384.689	2.265.630.272	960.523.537	418.000.000	8.373.075.196
- Thanh lý, nhượng bán	227.536.698	4.492.529.247	2.000.000.000	810.229.301	418.000.000	7.948.295.246
- Nguyên nhân khác	-	8.855.442	265.630.272	150.294.236	-	424.779.950
Tại ngày 31/12/2009	336.017.344.174	842.399.937.987	56.595.857.646	9.471.222.614	391.410.797	1.244.875.773.218
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2009	160.053.049.373	531.050.115.348	21.251.590.315	5.314.305.273	-	717.669.060.309
Tại ngày 31/12/2009	141.275.799.751	454.959.065.728	38.222.527.078	7.089.768.130	-	641.547.160.687

Tại ngày 31/12/2009, Tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng với tổng giá trị là: 50.993.309.335 VND. Giá trị Máy móc thiết bị của Dự án “Chuyển đổi nhiên liệu đốt từ dầu sang than” với giá trị tạm tính là 401.098.828.535 đồng đã tạm tăng từ ngày 1/10/2008 đang chờ thủ tục quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2009	1.335.352.150	129.854.000	1.465.206.150
Tăng trong năm	-	2.338.256.000	2.492.215.908
- Mua sắm mới	153.959.908	2.338.256.000	2.492.215.908
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	1.335.352.150	2.468.110.000	3.957.422.058
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2009	724.857.563	88.711.701	813.569.264
Tăng trong năm	532.062.204	43.277.693	575.339.897
- Khấu hao trong kỳ	532.062.204	43.277.693	575.339.897
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	1.256.919.767	131.989.394	1.388.909.161
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2009	610.494.587	41.142.299	651.636.886
Tại ngày 31/12/2009	78.432.383	2.336.120.606	2.568.512.897

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2.480.260.646	56.995.154
Xây dựng cơ bản	700.131.301.344	234.598.281.468
- Dự án trạm nghiền XM Hà Tiên 2 - Long An	501.535.948.348	170.899.539.581
- Dự án Hà Tiên 2.2	191.512.156.960	57.559.669.021
- Các công trình xây dựng khác	7.083.196.036	6.139.072.866
	702.611.561.990	234.655.276.622

Thông tin về các Dự án XDCB lớn đang dở dang tại 31/12/2009

Dự án Hà Tiên 2.2

- Tổng dự toán được duyệt: 3.040.220.000.000 VND

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	699.860.000.000
- Chi phí thiết bị lắp đặt	1.349.880.000.000
- Chi phí QLDA và chi phí khác	333.770.000.000
- Vốn lưu động, dự phòng phí	261.960.000.000
- Lãi vay giai đoạn xây dựng và các loại phí	394.750.000.000

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xi măng Hà tiên 2

- Địa điểm: Thị trấn Kiên Lương – huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang

- Mục tiêu: Đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng Hà Tiên 2 trên thị trường Tây Nam Bộ

- Quy mô đầu tư: Xây dựng dây chuyền sản xuất Clinker với công suất 1.260.000 tấn/năm, nghiền và đóng bao xi măng với công suất 600.000 tấn/năm

- Công nghệ, kỹ thuật: Công nghệ sản xuất xi măng bằng lò quay theo phương pháp khô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Cơ cấu vốn: 13% vốn tự có, 87% vốn vay
- Tiến độ thực hiện: 42 tháng.
- Tình trạng hiện tại: Đang trong giai đoạn thi công xây dựng

Dự án trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 tại Long An

- Tổng dự toán được duyệt: 531.409.938.801 VND

Trong đó:

- | | |
|--------------------------------|-----------------|
| - Chi phí xây dựng | 191.708.350.206 |
| - Chi phí thiết bị lắp đặt | 244.275.671.310 |
| - Chi phí QLDA và chi phí khác | 69.339.458.956 |
| - Vốn lưu động, dự phòng phí | 26.086.458.329 |
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xi măng Hà tiên 2
 - Địa điểm: Cụm CN Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
 - Mục tiêu: Đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng Hà Tiên 2 trên thị trường Tây Nam Bộ
 - Quy mô đầu tư: Xây dựng dây chuyền nghiền xi măng đồng bộ với công suất 500.000 tấn/năm
 - Công nghệ, kỹ thuật: Công nghệ sản xuất và thiết bị hiện đại, tiên tiến xuất phát từ EU, G7, Thụy Sĩ
 - Cơ cấu vốn: 30% vốn tự có, 70% vốn vay
 - Tiến độ thực hiện: 30 tháng.
 - Tình trạng: Đã hoàn thành, chính thức đi vào vận hành từ tháng 10/2009 và đang trong quá trình quyết toán.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền đặt mua báo	-	38.605.047
Tiền mua bảo hiểm tai nạn con người	1.512.000	4.704.000
Bảo hiểm cháy nổ và rủi ro	157.135.614	26.758.333
Bảo hiểm ô tô và tàu thuyền	19.264.818	-
Tiền thuê vận chuyển	-	2.857.143
Lợi thế thương mại	63.000.000.000	72.000.000.000
	63.177.912.432	72.072.924.523

Lợi thế thương mại theo Biên bản xác nhận xác định giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2006 là 90.000.000.000 VND được phân bổ cho 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	53.995.757.340	-
- Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang (i)	8.995.757.340	-
- Công ty Tài Chính Cổ phần Xi măng (ii)	45.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	137.845.872.000	69.469.884.000
- Vay Ngân hàng Công thương - CN Kiên Giang	73.414.572.000	69.469.884.000
- Vay Ngân hàng Ngoại thương Kiên Giang	64.431.300.000	-
	191.841.629.340	69.469.884.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 01/1008/VCB-HT2 ngày 28/11/2009, số tiền vay 729.968 USD, lãi suất vay bằng lãi suất huy động USD 12 tháng trả sau của NHNT.KG+3%/ năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để mua 01 máy xúc bánh xích gầu ngược mới phục vụ sản xuất kinh doanh, được đảm bảo bằng số dư trên tài khoản tiền gửi VND số 0091000024753 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Kiên Giang với số tiền tương ứng 729.968 USD.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Công ty Tài Chính Cổ phần Xi măng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 37/2009/HĐHM/CFC-HT2 ngày 26/6/2009, số tiền vay 45 tỷ đồng, lãi suất vay được xác định cụ thể cho từng lần rút vốn, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo là số dư trên tài khoản tiền gửi VND hoặc ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	340.157.400	20.018.546.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.462.145.296	39.861.185.024
Thuế thu nhập cá nhân	381.841.029	661.427.219
Thuế tài nguyên môi trường	486.725.392	735.722.644
Tiền thuê đất, thuế đất	132.538.500	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	224.078.609	780.229.689
Các loại thuế khác	7.470.094	10.785.305
	33.034.956.320	62.067.896.196

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí ký quỹ phục hồi môi trường	138.948.289	138.948.289
Trích trước chi phí khuyến mại xi măng	5.525.471.833	5.077.561.428
Chi phí đề tài pha đá vôi	-	7.450.000.000
Chi phí bốc xếp vỏ bao xi măng	-	142.622.443
Chi phí lãi vay	423.650.305	273.564.152
Chi phí phải trả khác	923.760.643	320.959.272
	7.011.831.070	13.403.655.584

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	925.356.351	658.420.054
Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam	9.767.797.974	40.941.272.914
Các khoản phải trả phải nộp khác	38.188.268.511	35.857.694.875
	48.881.422.836	77.457.387.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

Chủ nợ/ Hợp đồng	Đơn vị	Lãi suất	Thời hạn vay (tháng)	Số dư tại 01/01/2009		Số dư tại 31/12/2009	
				Nguyên tệ	VND quy đổi	Nguyên tệ	VND quy đổi
Ngân hàng Công thương - CN Kiên Giang							
Hợp đồng số 07680095/HĐTD ngày 06/12/2007	VND	LSTGK VND 12t + 2,6%/năm	156	-	190.936.382.266	190.936.382.266	
Hợp đồng số 07680095/HĐTD ngày 06/12/2007	USD	LSTGK USD 12t + 2,6%/năm	156	10.276.142	175.400.136.666	10.836.619	200.337.781.483
Hợp đồng số 05240090 ngày 21/10/2005	USD	LSTGK USD 12t + 2,6%/năm	60	10.231.000	173.691.687.169	6.139.000	104.221.803.169
Hợp đồng số 08680038 ngày 01/07/2008	USD	LSTGK USD 12t + 2,6%/năm	156	-	221.383	3.971.826.303	499.467.793.221
Cộng vay Ngân hàng Công thương -CN Kiên Giang							
Ngân hàng Phát triển Kiên Giang							
Hợp đồng số 01/2006/HĐTD ngày 09/02/2006	VND	8,4%/năm	144	4.727.654.153	4.727.654.153	12.000.144.870	12.000.144.870
Cộng vay Ngân hàng Phát triển Kiên Giang							
Ngân hàng ngoại thương - CN Kiên Giang							
Hợp đồng số 01/2006/NHNT-XMHT2 ngày 28/03/2006	VND	LSTGK VND 12t + 0,23%/tháng	96	118.937.826.733	118.937.826.733	139.000.000.000	139.000.000.000
Hợp đồng số 02/2006/NHNT-XMHT2 ngày 28/03/2006	USD	LSTGK USD 12t + 2,16%/năm	96	11.190.873	189.987.450.750	10.738.163	192.653.381.666
Cộng vay Ngân hàng Ngoại thương - CN Kiên Giang							
Ngân hàng CALYON							
Hợp đồng tín dụng xuất khẩu ngày 11/01/2008	EUR	0,16%/năm Euribor+	120	1.814.540	42.768.171.920	18.874.198	507.546.059.494
Hợp đồng tín dụng thương mại ngày 11/01/2008	EUR	1,53%/năm Euribor+	120	-	-	330.744	8.894.039.593
Cộng vay Ngân hàng CALYON							
Cộng							
				42.768.171.920	516.440.099.087		
				705.512.927.391	1.359.561.418.844		
Nợ dài hạn đến hạn trả				69.469.884.000	137.845.872.000		
Cộng vay dài hạn				636.043.043.391	1.221.715.546.844		

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

Thị trấn Kiên Lương – huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Quỹ Dự phòng tài chính VND
Số dư tại ngày 01/02/2008	880.000.000.000	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	-	1.844.957.699	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	26.010.369.504	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	110.344.282.406	-	-
Giảm khác	-	-	-	(26.010.369.504)	(52.800.000.000)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2008	880.000.000.000	1.844.957.699	-	-	57.544.282.406	-	-
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	132.172.681.425	-	-
Tăng khác	-	-	-	(6.419.488.000)	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	5.517.214.120	-	(57.544.282.406)	15.674.892.464	2.562.706.829
Số dư tại ngày 31/12/2009	880.000.000.000	1.844.957.699	5.517.214.120	(6.419.488.000)	132.172.681.425	15.674.892.464	2.562.706.829

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 29/04/2009 phê duyệt trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ đầu tư phát triển: 14,21% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tài chính: 2,32% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 6,0% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng BĐH: 0,7% lợi nhuận sau thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. CỔ PHIẾU

	Năm 2009
	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	88.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	88.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	88.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được ưu đãi	-
- Cổ phiếu phổ thông	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	88.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	88.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000

20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009
	VND
Lợi nhuận kế toán sau thu nhập chịu thuế	132.172.681.425
Các khoản điều chỉnh	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	88.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.502

21. CỔ TỨC

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 29/04/2009 đã phê duyệt chi trả cổ tức năm 2008 bằng tiền với tỷ lệ 9% trên mệnh giá tương ứng 71,78% trên lợi nhuận sau thuế với số tiền 79.200.000.000 đồng. Toàn bộ số cổ tức nói trên đã được trả cho cổ đông trong năm 2009.

22. DOANH THU

	Năm 2009	Từ 01/02/2008
	VND	đến 31/12/2008
	VND	VND
Doanh thu về bán hàng hóa, dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng	1.611.732.317.532	1.250.744.386.314
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.589.023.123	8.152.575.953
Các khoản giảm trừ	33.289.707.950	-
Doanh thu thuần	1.585.031.632.705	1.258.896.962.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 VND
Giá vốn hàng bán	1.197.636.767.793	978.507.290.537
Giá vốn cung cấp dịch vụ	4.830.128.508	2.159.031.615
	1.202.466.896.301	980.666.322.152

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.106.155.380	16.610.354.243
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.735.876	172.416.835
	10.119.891.256	16.782.771.078

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 VND
Chiết khấu thanh toán	4.030.954.040	1.999.808.150
Lãi tiền vay	13.230.058.177	4.533.618.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.169.434.746	1.775.032.371
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.209.867.984	23.452.702.945
	57.640.314.947	31.761.161.640

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	176.340.736.831
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	331.484.793
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	331.484.793
Thu nhập chịu thuế	176.672.221.624
Thuế suất thông thường	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	44.168.055.406
Thuế TNDN hoãn lại	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	44.168.055.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. SÓ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009, Công ty đã có các giao dịch quan trọng với các bên liên quan sau:

Mua hàng hóa, dịch vụ

	Năm 2009
	VND
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	204.262.378.127
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai	69.756.000
Công ty Cổ phần Thạch Cao Xi măng	34.612.040.000
Công ty Xuất nhập khẩu Xi măng	8.865.469.353
Công ty Xi măng Bim Sơn	23.674.256
Công ty Xi măng Tam Điệp	57.697.493.290
Công ty Xuất nhập khẩu Xi măng	49.575.325.711
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	42.273.000

Các khoản phải thu

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	4.113.276.908	40.115.638.396
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	-	42.739.979

Các khoản phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	9.788.512.974	40.941.272.914
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	10.698.812.250	36.119.609.900
Công ty Cổ phần Xi măng Bút Sơn	-	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Thạch Cao Xi măng	4.255.020.000	3.345.423.400
Công ty Xuất nhập khẩu Xi măng	432.620.522	171.794.685
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	23.674.256	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	89.868.156	59.200.000
Công ty Xi măng Tam Điệp	-	9.061.083.068

Trả trước cho người bán

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty Xuất nhập khẩu Xi măng	126.687.894	3.461.100.960

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2009 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2009.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC).

HH
★
IN